TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 07 - 5 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tùng

2. Ông Lê Thanh Nhã

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tú Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2017/TLST-DS, ngày 20 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1964; trú tại ấp N, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Dư Thành C, sinh năm 1990 cùng vợ là bà Phạm Thị Kim M, sinh năm 1992; cùng trú tại ấp L, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang (ông C, bà M vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Lê Văn V trình bày:

Vào ngày 29/12/2015 (âm lịch) ông Lê Văn V (sau đây gọi tắt là ông V) có

cho vợ chồng ông Dư Thành C và bà Phạm Thị Kim M (sau đây gọi tắt là ông C, bà M) sau đây gọi tắt là vay 10 chỉ vàng 24k, lãi suất 120.000 đồng/tháng/01 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng tiền mặt, lãi suất 400.000 đồng/tháng. Trong quá trình vay vợ chồng ông C và bà M trả lãi ông V được 5 tháng tổng cộng là 8.000.000 đồng. Nay ông V yêu cầu ông C và bà M trả số vàng vay còn thiếu là 10 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Dư Thành C và bà Phạm Thị Kim M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do, nên không có ý kiến trình bày.

Tại Biên bản hòa giải ngày 19/01/2018 của Tòa án ông C thừa nhận còn nợ ông V 10 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng, ông C hứa sẽ trả số nợ trên cho ông V trong thời hạn 36 tháng và không yêu cầu tính lại phần lãi suất đã trả nhưng phía ông V không đồng ý.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Biên bản hòa giải cơ sở ngày 09/10/2017; giấy hỏi vàng của ông Dư Thành C ký tên (phô tô).

Bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: Bị đơn ông C và bà M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia xét xử, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. **Về quan hệ pháp luật:**

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Lê Thanh Việt và ông Dư Thành C, bà Phạm Thị Kim M là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Cụ thể ông V yêu cầu vợ chồng ông C, bà M trả 10 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng tiền vay còn thiếu.

[3]. **Về nội dung tranh chấp**:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 19/01/2018 ông Dư Thành C và bà Phạm Thị Kim M thừa nhận còn nợ ông V là 10 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng, hẹn trong thời gian 36 tháng sẽ trả số nợ trên cho ông V. Lời trình bày của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số vàng là 10 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Ông C xin trả số nợ trên trong thời gian 36 tháng

nhưng không được ông V chấp nhận.

Theo quy định tại mục 1, phần III, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: "*Toà án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành"*.

Do đó, việc ông C xin trả nợ trong thời gian 36 tháng là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phần lãi suất: Nguyên đơn cho rằng trong quá trình vay thì vợ chồng ông C đóng lãi được tổng cộng là 8.000.000 đồng. Nhưng tại biên bản hòa giải ngày 19/01/2018 phía bị đơn không có yêu cầu khấu trừ lại số tiền lãi đã đóng cho ông V nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng ông C, bà M phải có trách nhiệm trả cho ông V 10 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng.

[4] .**Về án phí dân sự sơ thẩm**: Vợ chồng ông C, bà M phải chịu án phí là đối với 10 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng là 2.250.000 đồng (mức án phí tính theo giá vàng 3.500.000 đồng/chỉ).

Ông V được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.110.000 đồng (một triệu một trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006720 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471, 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn V đối với bị đơn ông Dư Thành C và bà Phạm Thị Kim M về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

2. Buộc ông Dư Thành C và bà PhạmThị Kim Mãi chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn V 10 (mười) chỉ vàng 24k, loại vàng 98% và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông C, bà M phải chịu án phí là đối

với 10 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng là 2.250.000 đồng (mức án phí tính theo giá vàng 3.500.000 đồng/chỉ).

Ông V được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.110.000 đồng (một triệu một trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006720 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh KG;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh